TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2023
V/v "tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Ông Lê Văn Rẽn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông H tự tìm hiểu rồi về chung sống với nhau vào năm 2003, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông H không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, ông H có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình mà hay kiếm chuyện la mắng bà vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 16/11/2011, hiện đang sống với bà. Nay ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có bảng khai, cũng không trình bày lời khai theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo đúng quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của nguyên đơn, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông H không chấp hành theo quy định, được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông bà là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 71; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa

án, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 16/11/2011 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H được triệp tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông H.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông H chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, ông H không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, không hàn gắn, đoàn tụ được nên bà H có đơn yêu cầu ly hôn.

Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bảng khai và các tài liệu chứng cứ liên quan do đó Tòa án căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Qua lời trình bày của bà H; tại đơn xác nhận ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; đơn xác nhận ngày 16/02/2023 của Ủy ban nhân dân xã LC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện bà H và ông H chung sống với nhau từ năm 2003, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền

và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H.

[3] Về con chung: Bà H và ông H có 01 con chung tên là Trần Gia H, sinh ngày 16/11/2011, hiện đang sống với bà H. Xét thấy, trong thời gian hai vợ chồng ly thân, bà H đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con; cháu H có nguyện vọng sống với bà H; nên tiếp tục giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, bà H và thành viên gia đình không được cản trở ông H thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H có 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 16/11/2011; giao cháu H cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, bà H và thành viên gia đình không được cản trở ông H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022973 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Trần Văn H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh;
- UBND xã Long Chữ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy An